

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2019
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi
con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Lương.
2. Ông Nguyễn Văn Xuôi.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25/3/2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh T. Có mặt.

Bị đơn: Chị Lê Thị H1, sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh T. Tạm trú: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn trình bày: anh và chị H1 do tự tìm hiểu quen biết và được sự chấp thuận của gia đình hai bên cho tiến tới hôn nhân tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2006, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T vào ngày 04/10/2006. Lúc cưới có cho nữ trang, tuy nhiên vợ chồng đã bán hết để mua đất hiện nay không còn.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2011 đến nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên gây sự, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị H1 đã 04 lần viết đơn kêu anh ly dị để lập gia đình khác, vì anh quá thương con nên đã chịu đựng không đồng ý ly hôn, nhưng đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh trầm trọng thêm, anh nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên yêu cầu được ly hôn để giải thoát cho cả hai.

- Về con chung gồm 02 người tên: Nguyễn Lê Phước V, sinh ngày 16/6/2007 hiện đang sống với anh và cháu Nguyễn Lê Phước H2, sinh ngày 03/3/2012 hiện đang sống với chị H1.

- Về tài sản chung: thừa đất số 245, diện tích 115,6m², tờ bản đồ số 29, do chị Lê Thị H1 đứng tên.

- Về nợ chung: không có.

Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H1.

- Về con chung: gồm 02 người tên Nguyễn Lê Phước V, sinh ngày 16/6/2007 hiện đang sống với anh và cháu Nguyễn Lê Phước H2, sinh ngày 03/3/2012 hiện đang sống với chị H1. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con; sống với ai người đó chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu các con sống với anh thì anh không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng; nếu các con sống với chị H1, thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi đứa con mỗi tháng 1.000.000 đồng và cấp dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: thừa đất số 245, diện tích 115,6m², tờ bản đồ số 29, do chị Lê Thị H1 đứng tên, anh thống nhất giao cho chị H1 tiếp tục quản lý, sử dụng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H1 là bị đơn trình bày: chị và anh H đi đến hôn nhân và tổ chức lễ vào năm 2006, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có đôi lần cự cãi do anh H không quan tâm đến vợ con, không lo cho gia đình, thường xuyên đi vắng nhà không rõ lý do, ngăn chặn cuộc gọi điện thoại nên chị không liên lạc được. Vào năm 2014 có một người con gái đến huyện đội C tìm anh H và 02 người xảy ra cự cãi, lúc đó cha mẹ chồng chị có ra can thiệp, dàn xếp. Lúc đó chị vì muốn hàn gắn gia đình nên chị đã bỏ qua lỗi lầm cho anh H, nhưng anh H vẫn không sửa đổi, thường xuyên đi không về nhà và gia đình cũng không biết anh H đi đâu làm gì. Anh không phụ tiền bạc gì cùng với chị để nuôi con và trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị có viết đơn yêu cầu anh H ly hôn nhưng vì nghĩ đến con nên chị không gửi lên Tòa để ly hôn; mục đích để anh H suy nghĩ lại, để hàn gắn và xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh H vẫn không đồng ý và nay anh H tự viết đơn khởi kiện ra Tòa mà không có bàn bạc với chị và gia đình bên chồng.

Nay chị không đồng ý ly hôn và mong muốn anh H thấy được trách nhiệm và quay về với vợ con và gia đình để cùng nuôi dạy con cái.

- Về con chung gồm 02 người tên: Nguyễn Lê Phước V, sinh ngày 16/6/2007

hiện đang sống với ông, bà nội và cháu Nguyễn Lê Phước H2, sinh ngày 03/3/2012 hiện đang sống với chị.

- Về tài sản chung: thửa đất số 245, diện tích 115,6m², tờ bản đồ số 29, do chị đứng tên và quản lý.

- Về nợ chung: không có.

Nay về hôn nhân, chị không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Trường hợp pháp luật giải quyết cho ly hôn thì:

- Về con chung tên: Nguyễn Lê Phước V, sinh ngày 16/6/2007 và cháu Nguyễn Lê Phước H2, sinh ngày 03/3/2012. Tùy theo nguyện vọng của các con, sống với cha hoặc mẹ đều được, nếu các con sống với chị thì chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi mỗi đứa con mỗi tháng 2.500.000 đồng và cấp dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Em Nguyễn Lê Phước V và em Nguyễn Lê Phước H2 cùng có lời trình bày: các em là con của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H1. Sau khi cha mẹ ly hôn, các em có nguyện vọng được sống với mẹ là bà H1.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là cấp dưỡng cho mỗi người con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về hôn nhân, về con chung; về cấp dưỡng nuôi con và các bên không có bổ sung, cung cấp chứng cứ mới tại phiên tòa.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 107 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Lê Thị H1;
- Về con chung: giao cho chị Lê Thị H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung tên Nguyễn Lê Phước V, sinh ngày 16/6/2007 và Nguyễn Lê Phước H2, sinh ngày 03/3/2012.
Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản;
- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng và cấp cho đến khi các con tròn 18 tuổi.
- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.
- Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: anh Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết việc hôn nhân của anh. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị H1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2006. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T vào ngày 04/10/2006 nên hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được anh H thừa nhận tại đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa hôm nay, chị H1 cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài cho đến nay không khắc phục được. Từ đó hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống một nơi khoảng một năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình bên anh H cũng như đơn vị công tác hòa giải mục đích để hai bên hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Qua xác minh gia đình anh H cũng thừa nhận là anh H thường xuyên đi về khuya và ít quan tâm đến vợ con, từ đó chị H1 mới bỏ ra cát nhà sống riêng từ tháng 6/2018 cho đến nay. Còn anh H thì vẫn sống chung với gia đình cha mẹ ruột, không sống chung với chị H1 kể từ chị H1 cát nhà riêng cho đến nay. Trong thời gian trước đây chị H1 có viết đơn ly hôn với anh H. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, căn cứ Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong

gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa anh H xác định không còn tình cảm thương yêu chị H1 nữa, tình cảm vợ chồng đã chấm dứt, nếu pháp luật giải quyết cho đoàn tụ thì anh cũng không trở về chung sống lại với chị H1. Từ những phân tích trên xét thấy mục đích hôn nhân của anh H và chị H1 không đạt được nữa nên việc anh H xin được ly hôn với chị H1 là có căn cứ phù hợp tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: gồm 02 người tên Nguyễn Lê Phước V, sinh ngày 16/6/2007 và Nguyễn Lê Phước H2, sinh ngày 03/3/2012. Giữa anh H và chị H1 đều thống nhất yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con, sống với cha hoặc mẹ, nếu các con sống với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy chị H1 là công viên chức có thu nhập ổn định và nguyện vọng của các em mong muốn được sống chung với chị H1 sau khi cha mẹ ly hôn và anh H, chị H1 cũng đồng ý theo như nguyện vọng của các con. Từ đó nghĩ nên chấp nhận theo sự thỏa thuận của anh H và chị H1 và theo nguyện vọng của các em Phước V và Phước H2 nên công nhận cho chị H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con tên Nguyễn Lê Phước V, sinh ngày 16/6/2007 và Nguyễn Lê Phước H2, sinh ngày 03/3/2012.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: xét thấy anh H là công chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, ngoài ra không có nguồn thu nhập nào khác nên về mức cấp dưỡng nuôi con chấp nhận theo sự tự nguyện của anh H là cấp dưỡng cho mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận nên về cấp dưỡng nuôi con anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng và cấp cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: hai bên chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: hai bên không đưa ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: buộc anh H có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật. Chị H1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2012 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Lê Thị H1.

[2] **Về con chung:** Công nhận cho chị Lê Thị H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Lê Phước V, sinh ngày 16/6/2007 và Nguyễn Lê Phước H2, sinh ngày 03/3/2012.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng và cấp cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[4] **Về tài sản chung:** hai bên chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] **Về nợ chung phải thu, phải trả:** hai bên không đưa ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0000598, ngày 20/3/2019 do anh H nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

[7] **Về án phí cấp dưỡng:** Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã An Trường A;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung